

NGHỆ THUẬT DIỄN XUỐNG CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

ĐÀO HUY QUYẾN*

Cũng như các dân tộc khác sống trên lãnh thổ Việt Nam, qua bao thăng trầm của lịch sử, dân tộc Khmer đã sáng tạo ra một nền văn hóa nghệ thuật vô cùng phong phú, đa dạng, đậm đặc về trữ lượng và thể loại. Tuy mỗi vùng, mỗi địa phương có những nét riêng, song nhìn chung, người Khmer Nam Bộ Việt Nam đều có những tương đồng trên tất cả các lĩnh vực văn hóa và đời sống. Chính đồng bằng sông Cửu Long, nơi có một vị trí địa lý thuận lợi cho việc canh tác lúa nước, làm thủy lợi nên người Khmer ở đây là một trong những tộc người có nền văn minh lúa nước khá sớm ở vùng Đông Nam Á. Nhờ ở vị trí địa lý và sự giao lưu văn hóa mà người Khmer đã học tập được những kinh nghiệm sản xuất, canh tác lúa nước của người Việt. Tuy vậy, người Khmer cũng mang đến vùng đất này những phong tục tập quán, lễ thói của dân tộc mình. Chính vì vậy họ đã tạo nên một nền văn hóa Khmer khá riêng biệt giữa đồng bằng sông Cửu Long trù phú của Việt Nam. Từ lĩnh vực ăn, mặc, ở đến các phương thức canh tác lúa nước và hàng loạt các phong tục tập quán mang đậm nét văn hóa Khmer. Đặc biệt là kho tàng văn hóa nghệ thuật truyền thống Khmer với nhiều loại hình, thể loại phong phú, lôi cuốn nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Đó là nghệ thuật âm nhạc truyền thống với nhiều thể loại, hình thức biểu hiện khác nhau. Với dân ca Khmer Nam Bộ có các điệu hò, hát ngành nghề (dân ca lao động), hát phong tục và lễ nghi, hát trữ tình và sinh hoạt... Với nhạc cụ, người Khmer có đàn nhạc dân gian, đàn nhạc lễ, trong đó có hàng chục nhạc cụ khác nhau gồm nhóm gõ, nhóm thổi, nhóm dây... thể hiện rất rõ bản sắc của âm nhạc Khmer miền sông nước Cửu Long. Bên cạnh kho tàng dân ca, dân nhạc là nghệ thuật múa. Đã từ lâu đời người Khmer đã có các hình thức, trò diễn múa rất phổ biến trong dân gian, như múa Xa-ri-ka-keo, múa trống

* Ths. Viện KHXH vùng Nam Bộ.

xayăm... Ngày nay những hình thức múa nói trên hay được giới trẻ sử dụng trong các cuộc vui ở phum, sóc, như: múa trong đám cưới, đám phước, đám hội, trên sân khấu. Thậm chí người ta còn múa cả trong đám ma.

Người Khmer còn có một nền mỹ thuật (điêu khắc và kiến trúc) mang những đặc tính và đặc thù khá nguyên bản, vừa đa tình, đa sắc với lối kiến trúc chùa chiền và tượng đá, phù điêu Khmer dị biệt. Ngoài các loại hình nghệ thuật truyền thống nói trên, nếu nói đến nghệ thuật truyền thống của người Khmer ở chính đồng bằng sông Cửu Long không thể không đề cập đến hai hình thức sân khấu ca kịch Rô Băm và Dù Kê. Rô Băm là hình thức sân khấu vừa cổ điển, vừa dân gian, là hình thức kịch hát, luôn khai thác đề tài từ đạo Phật... Còn Dù Kê là loại hình ca kịch mới ra đời khoảng đầu thế kỷ này. Nội dung của Dù Kê luôn được mở rộng, gắn liền với cuộc sống và xã hội đương đại. Có thể nói tất cả các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Việt Nam, dân tộc Khmer là dân tộc ít người duy nhất có hình thức sân khấu kịch hát, với hai thể loại: Rô Băm và Dù Kê.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, như âm nhạc, sân khấu..., chứ không có tham vọng bàn đến tất cả kho tàng văn hóa nghệ thuật truyền thống ở đây.

A. ÂM NHẠC CỦA NGƯỜI KHMER:

Nói chung người Khmer rất yêu nghệ thuật, rất say mê âm nhạc, ca hát, nhảy múa. Họ rất nhạy cảm với âm thanh và nhịp điệu. Dường như trong dòng máu, trong từng đường gân, thớ thịt của những con người Khmer đều có sẵn những năng khiếu âm nhạc tuyệt vời. Hễ có tiếng nhạc ngũ âm Khmer nổi lên là lôi cuốn họ vào các điệu nhảy múa, ca hát. Âm nhạc đối với họ như cơm ăn, nước uống hàng ngày, nó trở thành một nhu cầu tất yếu của cuộc sống. Năng khiếu âm nhạc của người Khmer không chỉ được diễn tả bằng lời ca mà còn bằng âm thanh của các nhạc khí do chính dân tộc chế tác và sử dụng qua bao thăng trầm của sự phát triển lịch sử tộc người. Từ già, trẻ, gái, trai đều thích múa hát. Theo chúng tôi, điều đó là một nhu cầu nội tại, không thể thiếu vắng trong cuộc sống.

Khi đến thăm bất kỳ một cuộc vui ở phum sóc nào của người Khmer, chúng ta cảm nhận được ngay cái không khí sôi nổi, rộn ràng, mang tính cộng đồng rất cao. Đó là tiếng âm nhạc hòa quyện với tiếng ca luôn vang lên bởi tiết tấu và giai điệu. Mặc dù chịu sự tác động của nhiều dòng âm nhạc khác trong một thế giới bùng nổ thông tin, song âm nhạc Khmer vẫn giữ được bản sắc của dân tộc mình. Đó là một nền âm nhạc êm dịu, lắng lắng, được sản sinh ra trong suốt quá trình hình thành và phát triển của dân tộc. Hoặc nói cách khác nền âm nhạc đó là sản phẩm của một cộng đồng dân tộc có nền văn minh lúa nước theo Phật giáo Tiểu Thừa. Có lẽ hai yếu tố ấy tạo ra một nền âm nhạc Khmer luôn êm dịu nhưng lại rộn ràng. Cái tính trữ tình, sâu lắng của âm nhạc Khmer luôn kèm theo tính bất khuất hiên ngang. Tuy không ồn ào nhưng không vì thế mà ủy mị, buồn thảm.

Một đặc điểm nổi bật của âm nhạc dân gian Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long là luôn bắt nguồn từ cuộc sống đấu tranh sinh tồn và quay lại phục vụ

cuộc sống. Bởi mỗi bài ca, điệu nhạc ở đây đều là một trang sử sinh động ghi lại những bước thăng trầm của con người Khmer qua bao thế hệ. Hiện nay nó có mặt trong mọi sinh hoạt hàng ngày của nhân dân trong các phum sóc. Có thể nói rằng những biểu hiện trong cuộc sống đều được người Khmer tái hiện bằng âm nhạc. Ta hãy quan sát các loại nhạc khí và kho tàng dân ca của người Khmer để chứng minh cho điều ấy.

I. Nhạc khí:

Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long có nhiều loại nhạc khí khác nhau và được biên chế thành hai loại:

Các nhạc khí giấy được biên chế trong dàn nhạc dân gian mà người Khmer thường gọi là phlêng khac, gồm có các nhạc khí:

Trô Rô Lea: giống đàn nhị giọng trung của người Việt nhưng dùng gáo dừa làm hộp cộng hưởng.

Trô Sô: giống đàn nhị thường của người Việt – đây là nhạc cụ chủ yếu của dàn nhạc hay còn gọi là nhạc cụ đặc trưng.

Chapây.

Trô Ksebây: giống đàn nhị của người Việt nhưng lại mắc tới ba dây.

Pây O.

Pây pốt.

Trô U: giống Hồ của người Việt.

Sô Kô PhLêng: trống cổ bông bịt da trăn.

Khum: giống đàn nguyệt của người Việt.

Krap: Cặp phách bằng tre.

KhLui: Sáo trúc⁽¹⁾

Đặc điểm của nhạc khí trong dàn nhạc dân gian là được các nghệ nhân tự chế tác và sử dụng theo sở thích của cá nhân hoặc của một nhóm người yêu âm nhạc. Ai thích chơi loại nhạc khí nào thì tự mình chế tác. Vì vậy có những cái rất đẹp, có những cái thô sơ về hình thức. Tuy vậy, vẫn phải bảo đảm được âm thanh chuẩn. Hiện nay trong các phum, sóc của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bào hay sử dụng dàn nhạc dân gian này trong các sinh hoạt cộng đồng, như: đám cưới, lễ cầu an, sinh hoạt vui chơi tập thể...

Nếu nhìn với góc độ dân tộc học, chúng ta dễ dàng nhận thấy đa số vật liệu để chế tác các nhạc khí trong dàn nhạc dân gian Khmer đều có chất liệu lấy từ thiên nhiên như: gỗ, gáo dừa, tre, nứa, da trăn. Trong số này có một số nhạc khí được chế tác kết hợp cả kim loại (giấy bằng sắt). Tuy nhiên chất liệu kim loại ở đây được tham gia có mức độ rất hạn chế (giấy sắt). Theo chúng tôi các giấy bằng sắt có lẽ mới được thay thế sau này, còn dây nguyên thủy của nó khi ra đời chắc chắn sẽ là giấy tre, giấy nứa, được lấy từ thiên nhiên.

Các nhạc khí gỗ được biên chế trong dàn nhạc lễ (Phlêng pumpét):

Dàn nhạc này người Khmer còn gọi là dàn nhạc ngũ âm, theo nhà nghiên cứu Hoàng Túc thì năm âm ở đây được xác định cho âm thanh của năm chất

liệu khác nhau là: đồng, sắt, gỗ, da và hơi. Nó còn được gọi là dàn nhạc gỗ, bởi hầu hết các âm thanh của các nhạc khí trong dàn nhạc phát ra đều do nghệ nhân cầm dùi gõ vào. Dàn nhạc lễ gồm có các nhạc khí:

Ronét êk (thường gọi là đàn thuyền) – gồm nhiều thanh gỗ, hoặc tre dài ngắn khác nhau, được kết lại trên một khung đàn giống hình chiếc thuyền.

Ronét Thung: gồm nhiều thanh gỗ hoặc tre đặt trên một thùng âm.

Koong Thôm và Kông Tóot (công lớn và công nhỏ) giống như công có núm của các dân tộc Tây Nguyên.

Xkôr Thôm (trống lớn)

Xom phô (trống nhỏ)

Rônét đốt: gồm nhiều thanh sắt đặt trên một khung đàn hình chiếc thuyền.

Xrô lay pumpét: kèn gỗ.

Txung: chũm chọe.

Đây là dàn nhạc được chế tác công phu, mang tính chuyên nghiệp. Đồng bào Khmer rất quý, trân trọng dàn nhạc này, bởi nó chỉ được dùng mỗi khi ở chùa có lễ hoặc sử dụng vào các công việc trọng đại trong các gia đình như đám tang. Dàn nhạc luôn để trong nhà chùa, mỗi khi có công việc quan trọng mới được đem ra sử dụng. So với dàn nhạc dân gian thì dàn nhạc lễ (dàn nhạc ngũ âm) được chế tác hoàn chỉnh về nhiều phương diện. Xét về mặt hình thức nó khá đẹp và tinh xảo. Mỗi nhạc cụ được định âm chính xác và vì vậy nó đảm bảo được yếu tố hoà âm trong cả dàn. Ngoài việc thực hiện những bài bản của nghi lễ truyền thống, dàn nhạc PhLêng pumpét còn thể hiện được nhiều loại bài bản âm nhạc phức tạp khác.

II. Dân ca:

Chính vị trí địa lý, cảnh quan môi trường miền sông nước Cửu Long đã tạo cho các cư dân sinh sống nơi đây sáng tạo ra những làn điệu dân ca mượt mà, đầm thắm. Bên cạnh dân ca của người Việt với những điệu lý, điệu hò mênh mang bát ngát là các làn điệu dân ca của người Khmer mang bản sắc của nền văn hoá Ang- Co. Nếu xét về hình thức, dân ca Khmer Nam Bộ Việt Nam cũng có đủ các thể loại sau đây:

1. Dân ca lao động:

Trong dân ca lao động của người Khmer Nam Bộ đã thể hiện rất rõ những công việc, ngành nghề cụ thể như: Hát quăng chài, tung lưới (Chriêng bong som nanh), hát đần gỗ (ChRiêng cap chhơ), hát bỏ củi (Chriêng puốcốcs) hát chận tầm (ChRiêng chính – chôm neang), hát quay tơ (ChRiêng rô qviy sớt) hát dệt vải (ChRiêng treanh – som poôt), hát đập cối, dệt chiếu (ChRiêng thbanh contêl), hát của thợ mộc (ChRiêng Cheang – Chhơ), hát của thợ gốm (ChRiêng Suôn Chnăng), hát đi săn (ChRiêng PRen bo banh), hát nhổ mạ (GhRiêng đok Somnăp), hát cấy lúa (ChRiêng Stuôn), hát giã gạo chầy tay (ChRiêng bok SRâu)⁽²⁾.

2. Dân ca phong tục, nghi lễ:

Loại dân ca này thể hiện rất rõ quan niệm về tín ngưỡng của người Khmer đối với đức Phật mà họ tôn thờ. Trong các buổi tế, lễ tùy theo nội dung mà họ

có những bài hát phục vụ cho những nội dung cụ thể. Trong đám tang có những bài hát về tang ma. Trong đám cưới cũng có nhiều bài hát với những ý nghĩa và giọng điệu khác nhau. Tất cả những bài dân ca thuộc loại này đều chung một mục đích là biểu đạt lòng tin của con người đối với đấng vô hình mà trong ý thức họ luôn kính nể.

3. Dân ca sinh hoạt:

Dân ca sinh hoạt là một phạm trù rất rộng. Trong cuộc sống con người, khái niệm về sinh hoạt bao trùm trên nhiều lĩnh vực. Những bài hát nói về sinh hoạt đời thường, tình yêu, cuộc sống v.v... đều thuộc loại này. Đối với bất cứ dân tộc nào cũng vậy, dân ca trữ tình, hát giao duyên chiếm một vị trí khá lớn. Thanh niên nam nữ Khmer có bài hát đối đáp ném cầu (Chol Chung). Những câu hát bên nam, bên nữ đối nhau, phụ họa cho những động tác vui chơi càng làm cho tình cảm thêm sâu sắc, vui tươi.

Dân ca sinh hoạt còn có hát đồng giao. Ở người KhMer mỗi thể thơ có một giọng điệu hát tương ứng. Có nhà nghiên cứu cho rằng: trong dân gian có hàng trăm thể thơ khác nhau thì có bấy nhiêu điệu hát. Ví dụ trò chơi bắt con diều (Chap Kôn Khleng) có thể thơ ba chữ. Thể thơ Kác – ca – tế có bảy câu, mỗi câu bốn chữ. Thể thơ Bra – ma – kít có bốn câu, mỗi câu 5 – 6 chữ ...

4. Đọc tụng:

Ngoài các hình thức dân ca vừa nói ở trên, trong kho tàng dân ca của người Khmer còn có hình thức “đọc tụng” mà ta thường gọi là “hát lễ”. Như chúng ta đã biết, người Khmer theo một tôn giáo chính thống là đạo Phật Tiểu Thừa. Vì công việc tụng Kinh, niệm Phật của các sư sãi và phật tử rất phổ biến, cho nên người Khmer ai cũng biết “đọc tụng”, đa phần ai cũng thông kinh kệ. Từ đó “đọc tụng” trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống và đã trở thành một phong tục.

5. Hò (SăKavati):

Cũng như dân tộc Việt, ở vùng sông nước Cửu Long có rất nhiều điệu hò, người Khmer trong vùng là dân tộc ít người duy nhất ở nước ta có các điệu hò dân gian gắn gũi với sông nước, như Hò đua thuyền, Hò kéo dây, Hò kéo co, Hò hái sen. Đó là những điệu hò khoẻ khoắn, khoan thai phù hợp với nhịp điệu lao động trên sông nước.

B. SÂN KHẤU TRUYỀN THỐNG KHMER:

Trong cộng đồng dân tộc Khmer hiện nay vẫn còn tồn tại hai loại hình sân khấu rất được nhân dân ưa chuộng. Đó là hai hình thức kịch hát: Rô Băm và Dù Kê.

I. Sân khấu Rô Băm:

Rô Băm là hình thức sân khấu cổ điển của người Khmmer, có nội dung truyện tích cụ thể được khai thác từ đề tài Phật giáo, đạo giáo Bà La Môn, quen thuộc nhất là sử thi Ramayana Ấn Độ, một đề tài không chỉ người Khmer nào cũng nhớ mà ngay người Việt sống chung phum, sóc với người Khmer cũng thuộc tuồng tích và sành điệu Rô Băm. Hình như giáo dục đạo lý làm người của

người Khmer xưa đều nằm trong nội dung thể loại này. Kịch chũng được xây dựng trên nền tảng tư tưởng, thẩm mỹ đạo Phật Tiểu Thừa, là đạo giáo đương thời của người Khmer ở đồng bằng Sông Cửu Long vẫn tin theo⁽³⁾.

Rô Băm còn có tên gọi là “Hát Rằm” hay “hát Riêm Kê”. Hình thức sân khấu Rô Băm sử dụng múa như một ngôn ngữ chủ đạo. Hầu như tất cả nội dung của kịch đều được dùng hình tượng múa để diễn tả. Vì vậy nhiều người đã gọi sân khấu Rô Băm là sân khấu Kịch múa. Mặc dù nghệ thuật múa ở đây đã được khái quát cao, nhưng về cơ bản kết cấu vở diễn không phải kết cấu của kịch múa mà vẫn là kết cấu theo lối kịch hát truyền thống. Đã là kịch hát thì phải dùng lời hát, lời nói để giải nghĩa hành động, tình tiết, tình cảm và bản chất của nhân vật.

Mở đầu vở diễn bao giờ cũng là múa mở màn và múa của các nhân vật đeo mặt nạ như chằn, rồng, rắn. Khi vào vở diễn mỗi nhân vật lại có những màn, động tác múa quy định riêng. Qua các động tác, ngôn ngữ múa người ta có thể suy đoán nghệ thuật Rô Băm xưa xuất phát từ cung đình.

Nói tới Rô Băm là nói đến một loại hình kịch hát chứa đựng nhiều phương pháp diễn tả mang tính tổng hợp, tính điển hình rất cao của người Khmer ở đồng bằng Sông Cửu Long. Các yếu tố văn hoá, nghệ thuật dân gian như văn học, âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật múa, tôn giáo, phong tục tập quán... được sử dụng hài hoà, đan quyện vào nhau tạo nên một phong cách đặc biệt của sân khấu ca kịch Khmer mà không một dân tộc ít người nào ở Việt Nam có được. Rô Băm rất gần với thể loại ca kịch của người Việt, nhất là tuồng. Ngoài ra, Rô Băm còn gần với nghệ thuật sân khấu của các dân tộc ở Đông Nam Á. Nơi đây từ ngàn xưa đã có sự giao hoà huyết thống, khởi thủy từ những cuộc di chuyển lịch sử của các giống người trong vùng. Chính vì lẽ đó nên lịch sử – văn hoá nơi đây luôn mang đậm nét, dáng vẻ độc đáo, nguyên sơ của một khu vực mang bản sắc riêng, mà không một khu vực nào trên thế giới có được. Điều ấy được thể hiện rất rõ nét trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong hệ thống phong tục tập quán. Sâu sắc nhất có lẽ nó được thể hiện qua kịch múa Rô Băm. Hình thức thể loại và nội dung của Rô Băm đã chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Ấn Độ, một trong những trung tâm văn hoá lớn của thế giới. Trải qua bao thế kỷ phải vật lộn để bảo vệ sự sinh tồn, đến nay người Khmer vẫn còn bảo lưu được một di sản văn hoá – sân khấu Khmer đồng bằng sông Cửu Long – là một thứ bảo bối của chính dân tộc mình.

Chính nội dung của Rô Băm đã thể hiện rất rõ thế giới quan của người Khmer là dựa theo tín ngưỡng Siva của tôn giáo Bà La Môn và những quan niệm về vũ trụ của đạo Phật Tiểu Thừa làm nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động của con người. Qua Rô Băm còn cho ta thấy thể loại này đã quy tụ các thể loại văn học dân gian. Đó là truyện cổ tích, truyện thần thoại, truyền thuyết, ngụ ngôn, thơ, trường ca, v.v...

Rô Băm không chỉ lấy nghệ thuật múa, âm nhạc làm hình thức diễn tả mà còn dùng ngôn ngữ điêu khắc, kiến trúc như một thế mạnh mang tính điển hình, khái quát rất cao. Đó là các loại tượng, các loại phù điêu, các hình hoạ, hoa văn

trang trí độc đáo. Liên hệ từ sân khấu Rô Băm chúng ta dễ dàng nhận thấy nội dung và hình thức của nó luôn gắn liền với tín ngưỡng của các cư dân Đông Nam Á, được thể hiện ở các công trình kiến trúc nổi tiếng trong vùng. Ở Campuchia có đền Ăng Co, Bayon; ở Indonesia có Bôrobudua; ở Thái Lan có Thất Luông; ở Mianma có Pran, ở Việt Nam có tượng Siva, nữ thần Parvati, vũ nữ Trà Kiệu của người Chăm. Gần gũi hơn nữa là những người mình chim (Krut), vũ nữ thần (Káyno), rắn bảy đầu (Keak), chằn (Yeak)... gắn với các ngôi chùa của người Khmer ở khắp đồng bằng sông Cửu Long⁽⁴⁾.

Như đã trình bày ở trên, Rô Băm là thể loại kịch hát mà ngôn ngữ múa chiếm một vị trí quan trọng. Ngôn ngữ múa trong ở thể loại này là ngôn ngữ cổ điển Khmer. Từng động tác múa trong Rô Băm đều có một ý nghĩa cụ thể. Nếu thiếu đi một số động tác chẳng khác nào một câu thơ mà bỏ đi mấy chữ vậy, và như vậy ý nghĩa của động tác múa sẽ không phản ánh được nội dung cần thiết. Tác giả Hoàng Thảo⁽⁵⁾ trong bài: Nghệ thuật múa trong ca kịch Rô Băm, Dù Ké cho rằng: “về mặt tạo hình, múa cổ điển Khmer là nghệ thuật của múa đường cong. Múa trong Rô Băm cũng vậy. Mọi cố gắng hình như chỉ nhằm tạo ra những đường cong... Chính vì múa giữ vai trò quan trọng nên trước khi nó biểu diễn phải có một số điệu múa mở màn. Ba điệu múa cổ điển được quy định bắt buộc là: Txu – txai, múa các con vật và múa Áp – Xa ra. Có thể xem đây là màn giáo đầu nhằm vừa giới thiệu nhân vật, vừa đưa người xem vào không khí huyền ảo của tích truyện. Bước vào vở diễn, mỗi nhân vật tự giới thiệu mình bằng những lối múa riêng. Có thể phân biệt hai cách thể hiện múa ứng với hai loại nhân vật: những vai không mang mặt nạ (vua, công chúa, hoàng tử) và những vai mang mặt nạ (các loài vật). Cả hai tuyến nhân vật đều được quy định từng động tác múa riêng. Nhưng đáng chú ý và gây ấn tượng hơn cả là múa Chằn. Đây là nhân vật múa nhiều nhất và mỗi lần nhân vật Chằn xuất hiện là toàn bộ sân khấu thay đổi – cả nhạc lẫn múa chuyển điệu, hoạt động sân khấu gia tăng về cường độ và động tác. Tạo hình và luật động múa Chằn về cơ bản là ổn định, tạo nên tính cách của nhân vật này là độc ác và cao ngạo...”

Hầu như trong các tuồng tích sân khấu truyền thống Khmer đều có vai Chằn – Những vai tương tự như Chằn, cùng với nó, đóng vai trò tạo thành một tuyến nhân vật phản diện, đại diện cho cái ác, cái xấu xa. Còn tuyến nhân vật chính diện thì luôn phải diệt ác. Cuối cùng cái ác phải bị tiêu diệt. Đó cũng là ước muốn của con người trước thế lực ma quỷ, độc ác và tàn bạo.

Về tuồng tích, kịch hát múa Rô Băm thường dựa vào các truyền thuyết, truyện cổ dân gian. Nhìn chung gồm có hai tuyến nhân vật Thiện và Ác. Nội dung mang rõ những quan niệm về Phật Giáo, Bà La Môn giáo, với đạo lí giáo dục con người phải sống cho nhân nghĩa, không làm điều ác, ở hiền gặp lành, kẻ nào gieo gió phải gặt bão. Các nhân vật trong Rô Băm phần lớn là tầng lớp trên: vua chúa, hoặc nếu là loài vật thì cũng là nhân vật huyền thoại, linh thiêng như Vua Chằn, Vua Khỉ. Ngoài hai tuyến nhân vật trên, trong kịch hát Rô Băm còn có nhiều nhân vật phụ khác như: nàng hầu, quân lính, tiên nữ... Một số đặc

điểm nữa là trong Rô Băm luôn có vai hề để gây cười. Mục đích chính của vai hề là làm vui cho người xem nhưng cũng có tính giáo dục, giúp người hiền, bảo vệ chính nghĩa, phê phán bọn phi nghĩa. Vai hề thường có lối nói châm biếm, xỏ xiên, có khi thâm thúy, lộng ngữ... Chính vai hề xuất hiện trong giai đoạn sau của sân khấu kịch hát Rô Băm đã làm cho hình thức sân khấu cổ điển này gần gũi hơn với quần chúng, tăng thêm sự vui nhộn, hấp dẫn.

Riêng phần âm nhạc phục vụ cho vở diễn Rô Băm không phải dùng cả dàn nhạc mà đồng bào Khmer dùng hai loại cơ bản đánh đệm cho hát và gây không khí. Đó là một chiếc trống (côn) và kèn (Slây rom). Hai nhạc khí này vừa có âm lượng lớn và có tiết tấu mạnh. Người Khmer nghe hai nhạc khí này diễn tấu là biết ngay có đêm diễn Rô Băm. Dàn nhạc có nhiệm vụ gây không khí cổ động cho đêm diễn, đánh minh họa cho các động tác múa và bộ điệu của nhân vật. Đặc biệt là tạo cao trào cho các tình huống kịch. Những cuộc chiến thì tiếng trống dồn dập, mạnh mẽ. Những lúc buồn bã, khóc than thì tiếng kèn cất lên ai oán, náo nề.

Còn những yếu tố phục trang, bài trí sân khấu, đạo cụ, diễn viên đều được quy định nghiêm ngặt theo những quy phạm của sân khấu Rô Băm cổ điển. Tuy nhiên càng về sau này những yếu tố mới được các thế hệ tiếp theo bổ sung cho phù hợp với cuộc sống. Chính từ đó một loại hình sân khấu bắt nguồn từ Rô Băm đã ra đời đó là Dù Kê.

II. Sân khấu Dù Kê:

Có lẽ Dù Kê là sự nối tiếp của sân khấu kịch hát Rô Băm, nó được ra đời mang tính kế thừa nhằm đáp ứng những yêu cầu của cuộc sống mới mà thể loại Rô Băm không còn phù hợp. Vào những năm đầu của thế kỷ 20, cùng với sân khấu cải lương Nam Bộ, sân khấu kịch hát Dù Kê đã ra đời trên vùng đất người Khmer sinh sống (vùng sông Bas sắc). Gần một thế kỷ qua, Dù Kê đã phát triển rộng khắp trong đồng bào Khmer và trở thành một loại hình sân khấu ca kịch độc đáo, là món ăn tinh thần của các dân tộc trong vùng.

Trong khi sân khấu cổ Rô Băm chuyên dùng đề tài cổ điển, mang tính chất sử thi, huyền thoại, nhân vật là vua chúa... Khác với Rô Băm, ở Dù Kê ngoài tích truyện cổ, còn đưa vào kịch nhiều đề tài của cuộc sống xã hội đương thời. Điều này là nỗi khát khao của nhân dân, nó đáp ứng được nguyện vọng: sân khấu kịch hát phản ánh được cuộc sống và quay lại phục vụ nhân dân. Nó không dừng lại ở đề tài xưa mang tính thần thoại. Ngoài những vở khai thác từ đề tài cuộc sống mới, Dù Kê còn tiếp thu một số tuồng tích Tàu (Tiêu). Thậm chí những vở cải lương: *Lưu Bình Dương Lễ, Trần Minh Khố Chuối...* cũng được dung nạp, làm cho thể loại kịch hát Dù Kê càng thêm phong phú. Chính điều này mà sân khấu Dù Kê có sức lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân yêu thích. Ngày nay sân khấu Dù Kê còn diễn cả những vở về đề tài cách mạng, chống xâm lược. Điều này khẳng định vị trí vững chắc của Dù Kê trong xã hội đương đại.

Về nguồn gốc ra đời của Dù Kê, có nhiều nguồn sử liệu khác nhau. Trong bài “Nghệ thuật sân khấu Khmer đồng bằng sông Cửu Long” nhà nghiên cứu Hoàng Túc trích lời của một số nghệ sĩ ở Sóc Trăng kể rằng: “Người khai sinh

ra Dù Kê là ông Lý Cộn (còn có tên gọi là Lý Cuông, gốc ở xã An Ninh (Mỹ Túc, Sóc Trăng), Lý Cộn từng đi Tây học, làm chủ sòng bạc, thua bạc phải bán ruộng, sau được giúp vốn ông về Trà Vinh tập hợp người mở đoàn hát cùng với người soạn tuồng kiêm đạo diễn là ông Suôn (người ở Trà Vinh).

Ý kiến khác thì cho nghệ thuật Dù Kê xuất phát từ Trà Vinh, do một nghệ nhân khác tên là Thạch Sua sáng lập vào đầu thế kỷ XX. Khi đi du lịch ở Campuchia, ông đã được xem các đoàn hát Dù Kê, lokhonluông... Khi trở về quê nhà, ông đi sâu tìm hiểu nghệ thuật Triều Châu, hát bội và cải lương. Kết quả của công lao nghiên cứu là việc thành lập đoàn hát mang tên DÙ KÊ...

Lại có nguồn tư liệu khác thì cho Dù Kê ra đời sau cải lương chừng vài năm, đầu tiên là ở Trà Vinh. Thủy tổ của Dù Kê là đoàn KRU CƯU...”.

Dù Kê là một hình thức sân khấu kịch hát, nó dung nạp nhiều loại hình nghệ thuật dân gian như âm nhạc (bộ gõ) ca hát, nghệ thuật múa và các hình thái diễn xướng dân gian khác. Là con đẻ của kịch hát Rô Băm nên nó đã tiếp thu những tinh hoa của hình thức ca kịch này. Ngoài ra Dù Kê còn chịu ảnh hưởng của sân khấu cải lương, tuồng và các yếu tố ngoại lai khác.

Như vậy về hình thức Dù Kê cũng giống Rô Băm. Có khác chăng chỉ là nội dung vở diễn và ngôn ngữ biểu hiện của các loại hình nghệ thuật. Cho dù là Dù Kê hay Rô Băm, trước khi mở màn đêm diễn, người ta thường hát hai bài cúng tổ:

- Tổ Têvada (thần coi sóc thế gian và thổ thần bản xứ Nêangtây).
- Nêangon và Nêangóc, cầu xin sự bình an cho đêm diễn.

Sau hai bài hát là màn sân khấu được mở. Vai hề xuất hiện chào khán giả và bông đùa tạo không khí thoải mái. Cả đoàn ra chào khán giả bằng một bài đồng ca với nội dung giới thiệu các nghệ sĩ và sự tích vở diễn. Sau đó vở diễn bắt đầu. Cũng như Rô Băm, nhân vật trong Dù Kê cũng thường chia ra hai tuyến rõ ràng: thiện và ác. Tuy nhiên, cũng có những vở diễn có sự đóng góp khá đầy đủ của các lớp người, các loài thú vật. So với Rô Băm, Dù Kê mang rõ tính chất của các mối quan hệ xã hội. Mâu thuẫn giữa các tuyến nhân vật và các nhân vật cụ thể được giải quyết thông qua chiến đấu. Cái ác bao giờ cũng hung bạo, xảo quyệt, còn cái thiện thì bao dung, thật thà. Song cuối cùng cái thiện bao giờ cũng thắng.

Vì là kịch hát nên trong mỗi vở diễn ngôn ngữ chính vẫn là ca hát, đối thoại trên nền nhạc. Có nhiều điệu hát mà hiện nay sân khấu Dù Kê đồng bằng sông Cửu Long hay ưa dùng. Đó là:

- Điệu khum roông – hát cúng tổ.
- Điệu sòm pông – hát vui.
- Điệu ăng cô reach – hát buồn, chia ly.
- Điệu sòm pông tăng, sòm pông thu – giọng cao và thấp.
- Điệu chriêng bôm bê côn – hát ru.
- Điệu tếp bản đa cha: điệu của các cô tiên.
- Che chong – trai gái yêu nhau hát huê tình...

Trong Dù Kê ngôn ngữ múa cũng giữ vai trò quan trọng và có thể chia thành hai loại sau:

- Múa theo từng đoạn, từng chi tiết của nội dung cốt truyện.
- Múa tạo dựng các nhân vật.

Bên cạnh hát, múa là bộ môn võ thuật được sử dụng trong vở diễn khá đậm nét. Nói chung trong vở diễn nào của thể loại Dù Kê cũng có những màn võ thuật rất điêu luyện, làm tăng sức hấp dẫn của vở.

Về dàn nhạc trong kịch hát Dù Kê đã có những cải tiến đáng kể so với Rô Băm. Khi mới hình thành, dàn nhạc Dù Kê còn đơn giản chỉ có một trống và một cặp phách. Dần dần do yêu cầu phát triển, đòi hỏi âm nhạc phải tham gia tích cực hơn vào các vở diễn, người ta bổ sung thêm nhiều loại nhạc cụ khác vào sân khấu Dù Kê, làm tăng thêm sức diễn tả của nó (chủ yếu là dàn nhạc ngũ âm). Về màu sắc, đường nét của sân khấu Dù Kê đã thể hiện rất rõ ngôn ngữ của mỹ thuật giữ vai trò quan trọng trong vở diễn. Sân khấu Dù Kê luôn được trang trí lộng lẫy với sự thay đổi phong cảnh, trang phục, đạo cụ... làm cho vở diễn có sức lôi cuốn người xem.

Sân khấu Dù Kê ra đời là một tất yếu của nhu cầu thẩm mỹ. Nó đáp ứng cái thiếu vắng của xã hội mà những kịch cổ điển dạng như Rô Băm không còn phù hợp. Vì vậy Dù Kê đã phát triển rộng khắp trong đời sống người Khmer ở đồng bằng Nam Bộ.

Kết luận

Thông qua các tác phẩm Folklore của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long sáng tạo nên trong suốt chiều dài của lịch sử, chúng ta vẫn thấy nguyên dạng dáng vẻ của quá khứ hào hùng. Nhìn ở góc độ dân tộc học, ta thấy văn nghệ dân gian Khmer có những đặc điểm sau:

- Các loại hình Folklore Khmer luôn gắn kết mật thiết với sinh hoạt cộng đồng. Đó là môi trường tổng hợp của các nghi thức, tín ngưỡng, các hoạt động âm nhạc, điệu khắc, kiến trúc, múa, hát, lễ hội và sân khấu ca kịch Rô Băm, Dù Kê... Chúng ta thử tưởng tượng nếu đem tách các tác phẩm folklore Khmer ra khỏi môi trường cộng đồng mà nó đang gắn bó thì tính chất của nó sẽ thay đổi, khó có giá trị như nó đã từng có.

- Các yếu tố tín ngưỡng trong đạo Phật, Bà La Môn là những yếu tố quan trọng nhất cấu thành nền văn hóa dân gian Khmer. Tất cả hòa quyện với nhau tạo ra cho các tác phẩm một cuộc sống hư ảo giữa Người và Phật. Vì vậy rất khó tách yếu tố tín ngưỡng ra khỏi các yếu tố khác trong folklore. Chẳng hạn, nếu xem xét những động tác múa của nhân vật chằn mà tách nó ra khỏi yếu tố tín ngưỡng của kịch hát Rô Băm, Dù Kê thì khó mà tiếp cận hết các ý nghĩa sâu xa của nó...

- Là sản phẩm tinh thần của dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long, folklore Khmer đã phát triển và tạo ra một đặc điểm riêng. Chính vì vậy nó luôn luôn là điểm tựa tinh thần của con người ở nơi đây. Thời gian và tất cả đều lùi dần về dĩ vãng nhưng sức sống và vẻ đẹp trong folklore Khmer vẫn mãi mãi trường tồn. Bởi vì nó là nền folklore của con người, vì con người.

Hiện nay, trước nền kinh tế thị trường, văn hóa dân gian Khmer Nam bộ đang có chiều hướng mất dần bản sắc. Văn hóa ngoại lai đang từng ngày, từng giờ như những đợt sóng xô vào bến bờ văn hóa dân tộc của chúng ta. Thực tế cho thấy, văn hóa truyền thống Khmer tuy đã bám rễ sâu vào đời sống qua nhiều thế hệ nhưng nay nó đang bị chao đảo, có lúc không tìm thấy hướng đi. Lâu nay ta vẫn hồ hào giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc nhưng giữ bằng cách nào? Ai làm? Kinh phí ở đâu? vẫn là những câu hỏi chưa có lời giải đáp cụ thể. Trước thực trạng ấy, một việc làm duy nhất đảm bảo cho sự phát triển bền vững cho dân tộc Khmer là có kế hoạch bảo tồn và phát triển nền văn hóa ấy. Chúng tôi nghĩ rằng cần phải tiến hành đồng thời một số công việc vừa mang tính cấp bách vừa mang tính chiến lược lâu dài. Đó là:

- Trước mắt cần khơi dậy mọi tiềm năng văn hóa nghệ thuật dân gian Khmer phục vụ cuộc sống của đồng bào. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đồng bào Khmer phát triển văn hóa truyền thống. Có kế hoạch đầu tư ngân sách thích đáng cho các thiết chế văn hóa. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật dân gian ở các cấp. Củng cố các đơn vị thông tin lưu động, các đội nghệ thuật quần chúng, các câu lạc bộ và hệ thống nhà văn hóa các cấp..., đồng thời hướng nội dung hoạt động về văn hóa truyền thống, khôi phục lại các hiện tượng văn hóa bị lãng quên. Lấy nghệ thuật truyền thống làm nền tảng cho sự phát triển văn hóa bền vững.

- Có định hướng việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống lâu dài. Đó là việc đưa văn hóa nghệ thuật dân gian vào chương trình giảng dạy ở các trường VHNT địa phương. Đào tạo ra một lớp cán bộ văn hóa có nghề và hiểu biết sâu về văn hóa dân tộc. Thường xuyên có các chương trình ngoại khóa trong hệ thống các trường phổ thông. Tạo cho thế hệ trẻ niềm tự hào, hướng về nền văn hóa dân tộc mình. Bên cạnh đó là việc tiếp thu văn hóa ngoại lai có định hướng và chọn lọc.

- Tổ chức tổng kiểm tra, phân vùng văn hóa, sưu tầm, ghi chép tỉ mỉ tất cả các hiện tượng văn hóa truyền thống ở địa phương và xuất bản thành sách, giới thiệu rộng rãi ra cả nước và quốc tế.

Thiết nghĩ những công việc nêu trên nếu được thực hiện có hiệu quả, chắc chắn văn hóa dân tộc Khmer Nam bộ sẽ phát triển theo đúng mục tiêu mà nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã đề ra là: “Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến - đậm đà bản sắc dân tộc”.

Chú thích

1. Hoàng Túc – *Về nghệ thuật sân khấu Khmer đồng bằng sông Cửu Long*.
2. Hoàng Túc – *Về nghệ thuật sân khấu Khmer đồng bằng sông Cửu Long*.
3. Võ Hữu Quang – *Sân khấu cổ truyền Khmer Nam Bộ...*
4. Huỳnh Quốc Thắng – *Sân khấu Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long...*
5. Hoàng Thảo – *Nghệ thuật múa trong ca kịch Rô Băm* (trong phần này chúng tôi sử dụng một số tư liệu của tác giả).

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Túc – *Nghệ thuật sân khấu Khmer đồng bằng sông Cửu Long*.
2. Võ Hữu Quang – *Sân khấu cổ truyền Khmer Nam Bộ*.
3. Đào Huy Quyền, Sơn Ngọc Hoàng, *Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng*, NXB TP.Hồ Chí Minh, 2007.
4. Huỳnh Quốc Thắng – *Sân khấu Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*.
5. Hoàng Thảo – *Nghệ thuật múa trong ca kịch Rô Băm*.
6. Các tạp chí *Văn hóa nghệ thuật, Dân tộc học, Dân tộc và Thời đại và Văn hóa thông tin tỉnh Sóc Trăng*.
7. Trần Hồng Liên – *Phật giáo Nam Bộ*, 1996.